TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 01-2022;
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh Phóc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2021/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2019; về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh N. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Công T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Q. Có đơn xin vắng mặt.

Đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q, Giấy đăng ký kết hôn số: 33 ngày 14/5/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 14 tháng 5 năm 2019; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 4/2020 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa hợp được. Nguyên nhân là hay cãi vã nhau, mỗi lần như vậy anh T hay đánh đập chị H. Do đó, chị H đưa con về nhà bố mẹ chị H sinh sống cho đến nay, anh T và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh T.

Hai vợ chồng có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 09/11/2019. Sau ly hôn chị H xin được nuôi con, yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Công T trình bày: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 14 tháng 5 năm 2019; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa hợp được. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, nay anh T và chị H đã ly thân, chị H xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn. Hai vợ chồng có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 09/11/2019, đang sống với chị H, vì hiện nay con đang còn nhỏ nên anh T nhất trí giao con cho chị H nuôi và anh T nhất trí đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị H và anh T là tranh chấp ly hôn, nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T thừa nhận đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị H và anh T; nguyên đơn chị H và bị đơn anh T đã có bản tự khai trong hồ sơ vụ án và chị H, anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa (phiên tòa lần thứ nhất đã hoãn), nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 14 tháng 5năm 2019; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được, nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Hai anh, chị có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 09/11/2019, đang sống với chị H. Chị H đề nghị xin được nuôi con và yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; anh T nhất trí giao con cho chị H nuôi và nhất trí đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị H chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng; anh T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Công T.

2. Về con chung: Giao con Lê Gia H, sinh ngày 09/11/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi tính từ tháng 01/2022.

Cấm chị H ngăn cản anh T quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình.

3.Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai số 0002515 ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị H đã nộp đủ án án phí. Anh T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
-Chị Nguyễn Thị H;
-Anh Lê Công T;
-UBND xã T(để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân